BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1592 /CQLXD-DAĐT2	*Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2023*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Cục Quản lý đầu tư xây dựng (Cục QLĐTXD) nhận được Tờ trình số 983/TTr-BĐHCM ngày 14/4/2023 và Tờ trình số 1527/TTr-BĐHCM ngày 12/6/2023 của Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh (Ban QLDA ĐHCM) về việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo NCKT) Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2004/QH11 ngày 03/12/2004 của Quốc hội về chủ trương đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội về điều chỉnh một số nội dung và giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 38/2004/QH11;

Căn cứ Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1223/QĐ-BGTVT ngày 23/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Cục Quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1032/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-BTNMT ngày 26/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa;

Căn cứ Văn bản số 548/TTg-CN ngày 16/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa;

Căn cứ các văn bản, tài liệu khác có liên quan;

Sau khi xem xét Tờ trình số 983/TTr-BĐHCM ngày 14/4/2023 và Tờ trình số 1527/TTr-BĐHCM ngày 12/6/2023 của Ban QLDA ĐHCM về việc thẩm định và phê duyệt Báo cáo NCKT Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa (sau đây gọi tắt là Dự án); Báo cáo thẩm tra số 168/CNUTCV ngày 13/4/2023 và số 269/CNUTCV ngày 26/5/2023 của Tư vấn thẩm tra, kèm theo hồ sơ BCNCKT dự án do Tư vấn thiết kế lập; ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan; Văn bản số 1502/BĐHCM-KTTĐ ngày 09/6/2023 của Ban QLDA ĐHCM về việc giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan về hồ sơ Báo cáo NCKT của Dự án, Cục QLĐTXD báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa.

2. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ cấp I.

4. Cấp quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

5. Chủ đầu tư: Ban QLDA đường Hồ Chí Minh.

6. Địa điểm xây dựng: Các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An.

7. Sơ bộ tổng mức đầu tư: 2.293 tỷ đồng *(theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 1032/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2022).*

8. Nguồn vốn:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 2.178 tỷ đồng từ nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 115 tỷ đồng.

9. Thời gian thực hiện dự án: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện Dự án từ năm 2022, khởi công năm 2023 và hoàn thành năm 2025.

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Theo Quyết định số 525/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho Dự án.

11. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo NCKT: Công ty CP Tư vấn thiết kế GTVT phía Nam (TEDIS).

12. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Đại học Giao thông vận tải.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Các văn bản pháp lý

Danh mục các căn cứ pháp lý để thẩm định BCNCKT Dự án được tổng hợp tại *Phụ lục 1*, kèm theo báo cáo này.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra

- Thuyết minh Báo cáo NCKT.
- Hồ sơ khảo sát xây dựng; Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng.
- Hồ sơ thiết kế cơ sở: Gồm thuyết minh thiết kế cơ sở và các bản vẽ, bản tính toán sơ bộ kết cấu.
- Tổng mức đầu tư dự án.
- Báo cáo kết quả thẩm tra.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu

- Hồ sơ năng lực các nhà thầu lập Báo cáo NCKT, năng lực các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế.
- Hồ sơ năng lực nhà thầu thẩm tra Báo cáo NCKT, năng lực các chức danh chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra dự án.

(Chi tiết xem Phụ lục 2 kèm theo)

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Phạm vi và quy mô đầu tư xây dựng

1.1. Phạm vi đầu tư

- Điểm đầu: Khoảng Km10+00 tại xã Trừ Văn Thố thuộc huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (tiếp giáp với đoạn tuyến đã được đầu tư tại Quyết định 3950/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2007 và điều chỉnh tại Quyết định số 1317/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).
- Điểm cuối: Khoảng Km82+750 giao với Quốc lộ N2 (nay là đường Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ), thuộc huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
- Tổng chiều dài tuyến khoảng 72,75km (không bao gồm cầu vượt và nút giao với Quốc lộ 22 đã được đầu tư), tuyến đi qua các huyện: Bàu Bàng và Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; thị xã Trảng Bàng và huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.2. Quy mô đầu tư xây dựng

- Cấp đường: Giai đoạn hoàn chỉnh quy mô đường cao tốc, vận tốc thiết kế 100km/h theo tiêu chuẩn TCVN5729-2012, giai đoạn phân kỳ quy mô tương đương đường cấp III đồng bằng theo TCVN 4054-2005, tiêu chuẩn hình học phù hợp đường cao tốc.

- Mặt cắt ngang: Giai đoạn hoàn chỉnh quy mô 6 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}$= 32,25m, bố trí dải phân cách giữa 0,75m. Giai đoạn phân kỳ quy mô 02 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}$ = 12,25 m.

- Kết cấu áo đường: Sử dụng mặt đường cấp cao A1, giai đoạn phân kỳ mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq$ 155Mpa.

- Tần suất thiết kế: P=1% đối với tuyến chính và cầu trên tuyến.

- Công trình cầu: Tải trọng thiết kế HL93. Thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN11823:2017 (đối với các cầu xây dựng mới), tiêu chuẩn 22TCN 272-05 (đối với các cầu thi công dở dang), khổ cầu phù hợp với khổ nền đường.

- Giao cắt: Giai đoạn phân kỳ các nút giao được thiết kế cùng mức.

2. Giải pháp thiết kế

2.1. Hướng tuyến, bình đồ

- Hướng tuyến: Tim tuyến giữ nguyên theo hướng tuyến hiện hữu đang thi công dở dang, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo cấp đường (tiêu chuẩn kỹ thuật đường cao tốc cấp 100). Điểm đầu kết nối với đoạn 10km đã được đầu tư tại khoảng Km10+00, tuyến đi thẳng giao với ĐT.750 tại vị trí cách cầu Suối Chài khoảng 400m về phía Đông, giao ĐT.749A tại vị trí cách suối Đá Yêu và suối Hồ Đá khoảng 3,5km về phía Đông Nam, giao ĐT.748 ở khu vực phía Đông Nam khu công nghiệp An Lập; tuyến vượt qua sông Sài Gòn tại khu vực xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng (bờ phía Bình Dương) và xã Hưng Thuận, huyện Trảng Bàng (bờ phía Tây Ninh), cách ngã ba Rạch Suối – sông Sài Gòn về phía Nam khoảng 1km và cách hạ lưu cầu Bến Củi khoảng 22,5km; tuyến đi về phía thị trấn Trảng Bàng và giao Quốc lộ 22 tại khoảng Km42+700 (lý trình Quốc lộ 22); từ điểm giao với Quốc lộ 22 tuyến thẳng giao ĐT.821 tại khu vực Lộc Giang, sau đó tiếp tục đi song song và cách ĐT.825 khoảng 2km đến thị trấn Hậu Nghĩa, giao ĐT.823 tại trị trí cách ngã tư Hậu Nghĩa khoảng 2km, sau đó tuyến đi thẳng và nối với điểm cuối dự án tại vị trí giao với Quốc lộ N2 khoảng Km82+750.

- Bình diện tuyến: Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với các quy hoạch có liên quan.

Kết quả thiết kế như sau:

TT	Bán kính (m)	Số lượng (cái)	Tỉ lệ
1	$450 \leq R < 650$	0	0%
2	$650 \leq R < 2000$	1	4,5%

TT	Bán kính (m)	Số lượng (cái)	Tỉ lệ
3	2000 ≤ R < 4000	10	45,5%
4	4000 ≤ R	11	50%
	Tổng số	22	100%

2.2. Trắc dọc

- Trắc dọc thiết kế trên nguyên tắc đảm bảo tần suất thiết kế P l%, độ dốc dọc tối đa 5%; đảm bảo tĩnh không các công trình trên tuyến, tận dụng tối đa các hạng mục kết cấu áo đường đã thi công dở dang.

Kết quả thiết kế như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chiều dài (m)	Tỷ lệ
1	i ≤1%	m	61.354,76	84,33%
2	1% <i<2%	m	6.325,03	8,69%
3	2%≤i≤3%	m	5.074,68	6,98%
Tổng cộng		m	72.754,47	100%

2.3. Mặt cắt ngang

- Giai đoạn hoàn chỉnh: Quy mô cao tốc 06 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}$= 32,25m, $B_{mặt}$= 30,75m, gồm 06 làn xe cao tốc 6x3,75m=22,5m, 02 dải dừng xe khẩn cấp 2x3m=6,0m, dải phân cách giữa 0,75m, 02 dải an toàn 2x0,75m=1,5m, lề đất 02 bên 2x0,75m=1,5m.

- Giai đoạn phân kỳ: Quy mô tương đương đường cấp III 02 làn xe *(giữ nguyên theo Quyết định 3950/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2007 của Bộ GTVT và đang thi công dang dở),* bề rộng nền đường $B_{nền}$=12,25m, $B_{mặt}$= 11,25m gồm 02 làn xe cơ giới 2x3,5m=7,0m, gia cố lề như kết cấu mặt đường (2m+2,25m), lề đất 2x0,5m=1,0m. Xây dựng về bên phải tim giai đoạn hoàn chỉnh.

2.4. Nền đường

a) Nền đường:

- Nền đường thông thường được đắp bằng đất đảm bảo độ chặt K≥0,95, riêng 30cm sát đáy áo đường được đầm chặt K≥0,98. Độ dốc mái taluy áp dụng là 1/2.

- Xử lý nền đất yếu: Sử dụng các giải pháp xử lý nền đất yếu như thay đất (đoạn đầu cầu Thanh An, cầu Rạch Suối), giếng cát kết hợp gia tải (chiều dài khoảng 1,38km) và sử dụng sàn giảm tải trên một số cầu.

b) Gia cố mái taluy bằng trồng cỏ, đá hộc xây hoặc tấm ốp BTXM.

2.5. Kết cấu mặt đường

a) Tuyến chính: Mặt đường cấp cao A1, giai đoạn phân kỳ Eyc ≥ 155Mpa bao gồm các lớp từ trên xuống như sau: 5cm bê tông nhựa chặt 16; 7cm bê tông nhựa chặt 19; 25cm cấp phối đá dăm loại I; 30cm lớp cấp phối đá dăm loại II.

b) Vuốt nối đường ngang: Mặt đường bằng bê tông nhựa hoặc láng nhựa, bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

2.6. Thiết kế giao cắt

- Trong giai đoạn phân kỳ các nút giao đều xây dựng cùng mức.

- Trong giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch, dự kiến bố trí 06 nút giao khác mức liên thông (không bao gồm nút giao với quốc lộ 22 đã được đầu tư xây dựng) và 05 nút giao khác mức trực thông, cụ thể:

+ Các nút giao khác mức liên thông: Căn cứ hiện trạng, quy hoạch và kiến nghị của các địa phương tại 04 vị trí giao với đường tỉnh (ĐT.750, ĐT.748, ĐT.744, ĐT.789) và 02 đường quy hoạch (đường Mỹ Phước – Tân Vạn, đường tỉnh ĐT.822B) dự kiến bố trí nút giao khác mức liên thông, riêng nút giao với đường trục khu công nghiệp Thành Thành Công trước mắt làm cầu vượt, phương án kết nối sẽ được nghiên cứu trong giai đoạn hoàn thiện cao tốc cho phù hợp.

+ Các nút giao khác mức trực thông: tại vị trí giao với 05 đường tỉnh (ĐT.749A, ĐT.782, ĐT.821, ĐT.822, ĐT.823) thiết kế nút giao trực thông bằng cầu vượt.

Ngoài ra, tại vị trí giao với tuyến đường bộ cao tốc quy hoạch TP.HCM - Mộc Bài và đường sắt quy hoạch TP.HCM - Mộc Bài (khoảng Km53+470) được nghiên cứu trong dự án riêng, đang dự kiến là giao khác mức trực thông.

Chi tiết các nút giao này sẽ được nghiên cứu thực hiện trong giai đoạn hoàn chỉnh đầu tư theo quy mô cao tốc (06 làn xe) để phù hợp với thực tế và quy hoạch của địa phương.

(Chi tiết xem Phụ lục 3 kèm theo)

2.7. Công trình cầu

Đầu tư xây dựng 14 công trình cầu, trong đó: Hoàn thiện 11 cầu thi công dở dang và xây dựng mới 03 cầu (cầu Trảng Bàng, An Hòa, Rạch Nhum).

a) Mặt cắt ngang cầu

Xây dựng mới và hoàn thiện các cầu với bề rộng $B_{cầu}$ =12,25m (gồm 2 làn xe chạy $B_{mặt}$=2x3,5m, 2 làn xe thô sơ (2,0m+2,25m), lan can 2x0,5m); giai đoạn hoàn chỉnh mở rộng cầu để đảm bảo quy mô 3 làn cao tốc, bề rộng $B_{cầu}$ =16,25m (gồm 3 làn xe chạy $B_{mặt}$=3x3,75m, dải phân cách giữa và dải an toàn trong 0,75+2x0,75m, làn dừng xe khẩn cấp 1x3,0m, dải phụ 2x0,25m, lan can 2x0,5m) và xây dựng thêm 01 đơn nguyên về bên trái với bề rộng $B_{cầu}$ =16,25 m. Riêng cầu Thanh An (cầu đúc hẫng) $B_{cầu}$ =13,75 m, gồm 2 làn xe chạy $B_{mặt}$=2x3,5m, 2 làn xe thô sơ (2,0m+3,75m), lan can 2x0,5m để bố trí thành 3 làn xe cao tốc trong tương lai (0,5m+0,75m+3x3,75m+0,75m+0,5m); giai đoạn hoàn thiện xây dựng thêm 01 đơn nguyên với $B_{cầu}$ =13,75m, đảm bảo quy mô 6 làn xe (không bố trí làn dừng xe khẩn cấp).

b) Trắc dọc cầu đảm bảo thủy văn tần suất thiết kế P1% và tĩnh không thông thuyền, tĩnh không đường chui dưới, phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc.

c) Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm bê tông cốt thép dự ứng lực (dầm đúc hẫng cân bằng, dầm I, dầm Super-T).

d) Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng bê tông cốt thép trên hệ móng cọc bê tông cốt thép.

(Chi tiết xem Phụ lục 4 kèm theo)

2.8. Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước ngang: Tận dụng và hoàn thiện các cống đã thi công; rà soát, bổ sung các cống trên tuyến đảm bảo nhu cầu thoát nước.

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng hệ thống rãnh dọc bảo đảm thoát nước nền, mặt đường.

2.9. Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

3. Các nội dung khác

3.1. Phương án xây dựng: Hoàn thành các hạng mục thi công dở dang, xây dựng mới các công trình, hạng mục công trình chưa thi công.

3.2. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo Khung chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 548/TTg-CN ngày 16/6/2023.

a) Phạm vi giải phóng mặt bằng:

Triển khai GPMB theo quy mô 4 làn xe cao tốc, $B_{nền}$ =27m theo Quyết định số 3950/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2007 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

Phạm vi GPMB được xác định trên cơ sở diện tích còn lại chưa GPMB hết trong dự án trước đây, có điều chỉnh giảm phạm vi GPMB tại 03 nút giao ĐT.749A, ĐT.822, ĐT.823 do điều chỉnh quy mô từ nút liên thông thành trực thông, đồng thời bổ sung thêm phạm vi GPMB tại các nút giao bằng trong giai đoạn phân kỳ để vuốt nối đảm bảo an toàn giao thông.

Khối lượng GPMB là 19,26 ha.

Cắm mốc quy hoạch cao tốc 6 làn xe để bàn giao cho địa phương quản lý.

b) Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đã bao gồm dự phòng): 264,339 tỷ đồng.

c) Phương án tổ chức thực hiện: Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách thành tiểu dự án riêng, do UBND các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An tổ chức thực hiện.

3.4. Tổng mức đầu tư trình duyệt: 2.292,776 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí GPMB (đã bao gồm dự phòng): 264,339 tỷ đồng;
- Chi phí xây dựng: 1.682,199 tỷ đồng;
- Chi phí QLDA, Tư vấn và chi phí khác: 126,313 tỷ đồng;
- Chi phí dự phòng: 219,865 tỷ đồng.

3.5. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 -2025 và nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 -2030.

- Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn của Dự án: giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 2.178 tỷ đồng, giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 115 tỷ đồng.

IV. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN, TƯ VẤN THẨM TRA VÀ KẾT QUẢ GIẢI TRÌNH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Trên cơ sở nội dung trình của Ban QLDA ĐHCM tại Tờ trình số 983/TTr-BĐHCM ngày 14/4/2023, Cục QLĐTXD đã gửi các đơn vị tham gia ý kiến và đã nhận được đầy đủ ý kiến tham gia của: Vụ Kế hoạch - Đầu tư (Văn bản số 546/KHĐT ngày 27/4/2023 và Văn bản số 807/KHĐT ngày 26/6/2023); Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường (Văn bản số 364/KHCN&MT ngày 27/4/2023); Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông (Văn bản số 536/KCHT ngày 25/4/2023); Vụ Tài chính (Văn bản số 355/TC ngày 15/5/2023); Cục Đường cao tốc Việt Nam (Văn bản số 405/CĐCTVN-KHTC ngày 25/4/2023).

Về cơ bản, các ý kiến tham gia đều thống nhất: Sự cần thiết phải đầu tư; sự phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ; sự phù hợp với chủ trương đầu tư; phạm vi đầu tư; tổng thể hướng tuyến, các công trình chính trên tuyến như nút giao, cầu,…

Tuy nhiên, còn một số vấn đề cần làm rõ hơn, cụ thể như: Cập nhật các quy hoạch có liên quan; cập nhật, bổ sung căn cứ pháp lý; phân tích, lựa chọn vị trí nút giao giai đoạn hoàn chỉnh quy hoạch, so sánh giải pháp thiết kế một số cầu; việc đấu nối và phân chia phạm vi đầu tư với các dự án khác có liên quan; rà soát làm rõ tổng mức đầu tư và các khoản mục chi phí … Các nội dung tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị đã được Ban QLDA ĐHCM, Tư vấn tiếp thu giải trình tại Văn bản số 1502/BĐHCM-KTTĐ ngày 09/6/2023, cập nhật hoàn thiện hồ sơ Báo cáo NCKT dự án, tổ chức thẩm tra và trình Bộ GTVT thẩm định phê duyệt tại Tờ trình số 1527/TTr-BĐHCM ngày 12/6/2023.

(Chi tiết có các văn bản kèm theo)

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự cần thiết đầu tư

Dự án được xây dựng sẽ hoàn thành các hạng mục thi công dở dang, tránh lãng phí nguồn vốn nhà nước đã đầu tư, từng bước góp phần nối thông toàn tuyến đường Hồ Chí Minh từ Pắc Bó (Cao Bằng) đến Đất Mũi (Cà Mau) với quy mô 2 làn xe, phù hợp quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021, góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông đường bộ, bảo đảm an ninh quốc phòng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa phương khu vực tuyến đi qua nói riêng và vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên nói chung, đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng cao trong khu vực Đông Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Vì vậy, việc sớm đầu tư xây dựng và đưa dự án vào khai thác là rất cần thiết.

2. Sự tuân thủ quy định pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

2.1. Sự tuân thủ quy định pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, TKCS

- Thực hiện Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 15/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể đường Hồ Chí Minh, tại Quyết định số 3950/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2007 của Bộ trưởng Bộ GTVT về phê duyệt đầu tư dự án và Quyết định số 1317/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2016 về phê duyệt điều chỉnh dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa với qui mô giai đoạn trước mắt 2 làn xe, giai đoạn hoàn chỉnh 4 làn xe. Tuy nhiên, tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2012-2030 đã điều chỉnh quy hoạch đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa giai đoạn hoàn chỉnh cao tốc 6 làn xe.

- Dự án đã được Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1032/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2022 và giao Ban QLDA ĐHCM làm Chủ đầu tư tổ chức thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư quy định tại khoản 10, Điều 1, Luật số 62/2020/QH14, Ban QLDA ĐHCM đã lựa chọn Tư vấn lập Báo cáo NCKT; lập Báo cáo ĐTM, tổ chức khảo sát, nghiệm thu khảo sát, lập, thẩm tra Báo cáo NCKT trình Bộ GTVT thẩm định, phê duyệt là tuân thủ quy định.

Như vậy, Báo cáo NCKT Dự án được lập cơ bản tuân thủ quy định tại Điều 40 Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019, Điều 52 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014.

- Khung chính sách GPMB đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 548/TTg-CN ngày 16/6/2023.

- Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 1363/QĐ-BTNMT ngày 26/5/2023 về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa.

- Bộ trưởng Bộ GTVT đã có Quyết định số 525/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2023 phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa.

- UBND các tỉnh có tuyến đi qua đã có ý kiến về Báo cáo NCKT dự án: Văn bản số 1238/UBND-KT ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Bình Dương, Văn bản số 1707/SGTVT-KHTĐ ngày 23/05/2023 của Sở GTVT tỉnh Bình Dương; Văn bản số 964/UBND-KT ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh; Văn bản số 957/SGTVT-QLCLCT ngày 14/3/2023 của Sở GTVT tỉnh Long An.

Như vậy, về cơ bản, Dự án được lập đảm bảo tuân thủ quy định. Ban QLDA ĐHCM chịu trách nhiệm về bảo đảm các thủ tục, công việc đã thực hiện của mình tuân thủ quy định; trong quá trình hoàn chỉnh hồ sơ dự án đề nghị tiếp tục tổ chức rà soát, cập nhật để hoàn chỉnh các công việc cần thiết khác (nếu có), bảo đảm việc chuẩn bị và triển khai dự án theo quy định.

2.2. Điều kiện, năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

- Theo hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia công tác khảo sát, thiết kế lập Báo cáo NCKT, thẩm tra Báo cáo NCKT đã được Ban QLDA ĐHCM lựa chọn, ký hợp đồng, đây là các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật. Ban QLDA ĐHCM, Tư vấn thiết kế, Tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ năng lực kèm theo.

- Ban QLDA ĐHCM chịu trách nhiệm về tính chính xác các chức danh trong hồ sơ Báo cáo NCKT và hồ sơ năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia công tác khảo sát, thiết kế lập, thẩm tra Báo cáo NCKT.

3. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch

Thiết kế cơ sở của dự án được lập đảm bảo phù hợp với các quy hoạch:

- Quy hoạch ngành: Phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021.

- Quy hoạch các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An: Phù hợp với Quy hoạch phát triển vận tải tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 (Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 và Quyết định điều chỉnh số 3093/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh Bình Dương); Quy hoạch phát triển vận tải tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 (Quyết định số 64/2013/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh); Quy hoạch phát triển vận tải tỉnh Long An đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030 (các Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 26/12/2013; số 4704/QĐ-UBND ngày 26/12/2017; số 3846/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Long An).

4. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định

Dự án được Ban QLDA ĐHCM tổ chức lập, trình Bộ GTVT thẩm định, phê duyệt với quy mô tương đương đường cấp III đồng bằng theo TCVN4054-2005, tiêu chuẩn hình học phù hợp đường cao tốc vận tốc thiết kế V_{tk}=100km/h theo tiêu chuẩn TCVN5729-2012 là phù hợp với chủ trương đầu tư được Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 1032/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2022.

5. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực

Theo quy hoạch Dự án là một phần của tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT02), tuyến đường hoàn thành đảm bảo khả năng kết nối với các tuyến cao tốc trong khu vực: cao tốc Chơn Thành – Gia Nghĩa, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành; cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài; đường Vành Đai 4; các tuyến đường Quốc lộ như 14, 13, 22, N2 và các tuyến đường của địa phương.

Trong bước triển khai tiếp theo, đề nghị chủ đầu tư, Tư vấn tiếp tục rà

soát, cập nhật các quy hoạch có liên quan trong khu vực, làm việc thống nhất với địa phương, cơ quan quản lý có liên quan để đề xuất giải pháp thiết kế đáp ứng việc kết nối hạ tầng kỹ thuật trong khu vực, tránh việc điều chỉnh, bổ sung trong giai đoạn thi công và khai thác.

6. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở với nhiệm vụ thiết kế và bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

6.1. Hồ sơ khảo sát

- Hồ sơ khảo sát mỏ vật liệu:

+ Mỏ đá, cát: Theo hồ sơ khảo sát mỏ vật liệu, tư vấn đã điều tra khảo sát 05 mỏ cát (đã cấp phép khai thác) với tổng trữ lượng hơn 7,95 triệu m^3; 6 mỏ đá đang khai thác, trữ lượng 32 triệu m^3, tổng công suất khai thác khoảng 3,45 triệu m^3/năm là đủ nhu cầu của dự án (khoảng 71.382 m^3 cát; 379.000 m^3 đá các loại), công suất khai thác đảm bảo đáp ứng yêu cầu. Trong quá trình triển khai tiếp theo, đề nghị Ban QLDA ĐHCM, Tư vấn tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng của địa phương để gia hạn khai thác, đồng thời tiếp tục khảo sát bổ sung mỏ cát, đá đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và nhu cầu của dự án, cập nhật, bổ sung hồ sơ mỏ vật liệu cho dự án (nếu cần).

+ Mỏ đất: Tư vấn đã khảo sát 05 mỏ vật liệu đất đắp (bao gồm 03 mỏ đang khai thác và 02 vị trí quy hoạch vật liệu đắp trong đó 01 mỏ thuộc địa phận tỉnh Bình Dương, 02 mỏ thuộc địa phận tỉnh Tây Ninh, 02 mỏ thuộc địa phận tỉnh Long An) với trữ lượng khoảng 7,15 triệu m^3 là đủ phục vụ nhu cầu của dự án (0,978 triệu m^3).

- Về bãi đổ vật liệu thải không thích hợp:

Theo hồ sơ khảo sát, tư vấn đã khảo sát, làm việc với địa phương và đề xuất 10 vị trí đổ thải với trữ lượng khoảng hơn 0,416 triệu m3 là đủ nhu cầu của dự án (khoảng 0,233 triệu m3). Trong bước tiếp theo, Ban QLDA ĐHCM, Tư vấn chịu trách nhiệm rà soát bổ sung, thỏa thuận chính xác các vị trí các bãi đổ thải với chính quyền địa phương với trữ lượng đảm bảo nhu cầu đổ thải của Dự án và không làm vượt tổng mức đầu tư Dự án đã được phê duyệt.

- Hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn:

Tận dụng toàn bộ hồ sơ khảo sát thủy văn, khảo sát và thí nghiệm địa chất công trình đã thực hiện trong giai đoạn trước.

Hồ sơ khảo sát địa hình cơ bản đầy đủ và đã được các bên tổ chức giám sát, nghiệm thu trong quá trình khảo sát theo quy định của bước Báo cáo NCKT.

Trong bước thiết kế tiếp theo, đề nghị Ban QLDA ĐHCM chỉ đạo Tư vấn kiểm tra, rà soát, cập nhật các số liệu khảo sát địa hình, thủy văn, địa chất khu vực, chuẩn xác lại cao độ đường đỏ thiết kế; phương án thiết kế, phương án gia cố móng mố, trụ cầu, công trình cho phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài.

6.2. Về hồ sơ thiết kế cơ cở

a) Bình đồ tuyến

- Hướng tuyến của Dự án theo hồ sơ trình cơ bản bám theo hướng tuyến trong bước chủ trương đầu tư đã được Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 1032/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2022; Hướng tuyến đã được UBND các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An thống nhất tại các Văn bản số 1238/UBND-KT ngày 23/3/2023, số 964/UBND-KT ngày 04/4/2023 và số 957/SGTVT-QLCLCT ngày 14/3/2023.

- Các yếu tố hình học được thiết kế tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật Dự án, đáp ứng vận tốc thiết kế 100km/h, đảm bảo việc mở rộng theo quy mô hoàn chỉnh.

Trong bước khảo sát, thiết kế tiếp theo, trên cơ sở số liệu khảo sát chi tiết, đề nghị Ban QLDA ĐHCM, Tư vấn tiếp tục rà soát, vi chỉnh cục bộ các đoạn tuyến (nếu cần) để hạn chế việc di dời công trình hạ tầng kỹ thuật, GPMB..., kịp thời cập nhật để điều chỉnh phạm vi GPMB cho phù hợp.

b) Trắc dọc tuyến: Thiết kế trắc dọc được thiết kế cơ bản phù hợp với địa hình, tần suất thủy văn thiết kế; độ dốc dọc, chiều dài đổi dốc, cao độ thiết kế, bán kính đường cong đứng... tuân thủ quy trình hiện hành, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của đường cao tốc trong giai đoạn hoàn chỉnh.

c) Thiết kế trắc ngang

- Giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch cao tốc 06 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền}$= 32,25m; $B_{mặt}$= 30,75m gồm 06 làn xe cao tốc 6x3,75m=22,5m, 2 dải dừng xe khẩn cấp 2x3m=6,0m, dải phân cách giữa 0,75m, 2 dải an toàn 2x0,75m=1,5m; lề đất 2 bên 2x0,75m=1,5m.

- Giai đoạn phân kỳ bề rộng nền đường $B_{nền}$ =12,25m, bề rộng mặt đường $B_{mặt}$=11,25m gồm 02 làn xe cơ giới 2x3,5m=7,0m, gia cố lề như kết cấu mặt đường (2m+2,25m); lề đất 2x0,5m=1,0m; xây dựng về bên phải tim giai đoạn hoàn chỉnh là phù hợp.

- Các thành phần trên mặt cắt ngang như hồ sơ trình (độ dốc ngang, bề rộng làn xe, lề đất …) đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn hiện hành.

d) Nền đường

- Nền đường: đắp bằng đất, taluy đắp 1/2 đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cấp đường.

- Nền đường đắp trên đất yếu: Cơ bản thống nhất giải pháp xử lý nền đất yếu như hồ sơ trình. Trong bước tiếp theo, trên cơ sở kết quả khảo sát, thí nghiệm chi tiết đề nghị Chủ đầu tư, tư vấn cập nhật, xác định chính xác phạm vi xử lý nền đất yếu, đặc biệt là các đoạn đang thi công dở dang và chưa đánh giá được cụ thể mức độ cố kết nền đường, nghiên cứu so sánh các phương án xử lý để lựa chọn giải pháp đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, đảm bảo tận dụng tối đa phạm vi, khối lượng đã thi công trước đây.

đ) Mặt đường

- Tuyến chính:

+ Trị số mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155$ Mpa đã được Tư vấn cập nhật, tính toán, xác định trên cơ sở số liệu khảo sát, dự báo lưu lượng, đồng bộ về cường độ mặt đường với các quốc lộ trong khu vực.

+ Kết cấu mặt đường: Kết cấu áo đường gồm 2 lớp BTN trên 2 lớp cấp phối đá dăm như hồ sơ trình là đảm bảo E_{yc} theo tính toán.

Trong bước thiết kế tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư, tư vấn khảo sát, thí nghiệm đầy đủ các vật liệu làm kết cấu áo đường, nền đường làm cơ sở tính toán, chuẩn xác chiều dày các lớp kết cấu cho phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, tiết kiệm chi phí.

e) Nút giao

- Giai đoạn phân kỳ (đường cấp III): tổ chức giao thông tại các nút giao trên tuyến dạng giao bằng là phù hợp với chủ trương đầu tư.

- Giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch cao tốc 06 làn xe:

+ Các nút giao khác mức liên thông: Trên cơ sở hiện trạng, quy hoạch và đề xuất của các địa phương, Tư vấn và chủ đầu tư dự kiến 06 nút giao khác mức liên thông tại 4 đường tỉnh (ĐT.750, ĐT.748, ĐT.744, ĐT.789) và 2 đường quy hoạch (đường Mỹ Phước – Tân Vạn, đường tỉnh ĐT.822B) (không bao gồm nút giao với QL22 đã được đầu tư xây dựng), riêng nút giao với đường trục khu công nghiệp Thành Thành Công (tỉnh Tây Ninh) trước mắt làm cầu vượt, phương án kết nối sẽ được nghiên cứu trong giai đoạn hoàn thiện cao tốc cho phù hợp.

Khoảng cách giữa 02 nút giao liên thông tại ĐT.744 và ĐT.789 là 1,42km (do nằm ở 2 tỉnh Bình Dương và Tây Ninh, cách nhau sông Sài Gòn), khoảng cách giữa 02 nút giao liên thông QL22 và nút giao KCN Thành Thành Công là 3,5km (từ khu công nghiệp đi nút giao QL22 do bị kênh Trảng Bàng cắt ngang nên phải đi theo ĐT.825 để kết nối vào đường Hồ Chí Minh với chiều dài khoảng 12km) nhỏ hơn khoảng cách quy định tại điểm 8.4.2 theo TCVN5729-2012. Tuy nhiên, xét các yếu tố về địa hình bị chia cắt, quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, công tác GPMB đã thực hiện trước đây, việc kiến nghị thiết kế nút giao liên thông tại các vị trí này của Tư vấn và Chủ đầu tư là có cơ sở.

+ Các nút giao trực thông: Tại các vị trí giao với 05 đường tỉnh (ĐT.749A, ĐT.782, ĐT.821, ĐT.822, ĐT.823) Tư vấn và chủ đầu tư dự kiến là nút giao trực thông.

+ Tại vị trí giao với tuyến đường bộ cao tốc quy hoạch TP.HCM - Mộc Bài và đường sắt quy hoạch TP.HCM - Mộc Bài (khoảng Km53+470) đang được nghiên cứu trong dự án đường cao tốc TP.HCM - Mộc Bài.

+ Chi tiết các nút giao này sẽ được nghiên cứu thực hiện trong giai đoạn hoàn thiện đầu tư theo quy mô cao tốc (06 làn xe) để phù hợp với thực tế và quy hoạch của địa phương.

f) Hệ thống thoát nước: Hệ thống thoát nước được tính toán, thiết kế phù hợp với điều kiện địa hình và kết quả tính toán thủy văn bước lập Báo cáo NCKT.

g) Công trình cầu

Thống nhất đầu tư xây dựng 14 công trình cầu (trong đó có 11 cầu thi công dở dang và 03 cầu thi công mới) với quy mô, giải pháp thiết kế như sau:

- Bề rộng cầu: Bề rộng cầu phù hợp với khổ nền đường Bcầu=12,25m;

Riêng cầu Thanh An có phần cầu chính dạng cầu dầm hộp bê tông dự ứng lực liên tục 03 nhịp (60+90+60)m thi công đúc hẫng cân bằng, rất khó khăn cho việc mở rộng thêm mặt cắt ngang sau này, vì vậy việc Tư vấn và Chủ đầu tư kiến nghị đầu tư với bề rộng $B_{cầu}$=13,75m bảo đảm khai thác tốt với quy mô 02 làn xe trong giai đoạn phân kỳ; trong giai đoạn hoàn thiện bố trí thành 03 làn xe (châm chước không có làn dừng xe khẩn cấp) và xây dựng thêm một đơn nguyên cầu thứ 2 quy mô tương tự, đảm bảo 2 cầu quy mô 06 làn xe cao tốc.

- Trắc dọc cầu: Đảm bảo thủy văn tần suất thiết kế P1% và tĩnh không thông thuyền, tĩnh không đường dân sinh, đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế cao tốc TCVN5729-2012.

- Sơ đồ cầu: Được Tư vấn nghiên cứu bố trí cơ bản phù hợp với kết quả khảo sát địa hình, kết quả khảo sát và tính toán thủy văn, đảm bảo yêu cầu thoát nước và các tĩnh không yêu cầu, phù hợp với quy hoạch của địa phương, tận dụng tối đa khối lượng đã thi công trước đây, đảm bảo yêu cầu kinh tế - kỹ thuật.

- Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm bê tông cốt thép dự ứng lực (dầm đúc hẫng cân bằng, dầm I, dầm Super-T).

- Kết cấu phần dưới: Kết cấu móng mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép trên hệ móng cọc bê tông cốt thép đã được tư vấn tính toán, đề xuất cơ bản là phù hợp.

h) Các công trình khác

- Hệ thống an toàn giao thông: Thống nhất xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Đường công vụ: Tận dụng đường công vụ đã thi công trước đây và bổ sung thêm những đoạn cần thiết trong phạm vi đã GPMB. Trong bước thiết kế tiếp theo cần khảo sát, thiết kế chi tiết đường công vụ cho phù hợp.

6.3. Bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ

- Việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ: Hồ sơ trình đã đề xuất các phương án phòng chống cháy nổ trong giai đoạn thi công và khai thác. Trong quá trình triển khai, Ban QLDA ĐHCM có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Về bảo vệ môi trường: Dự án đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1363/QĐ-BTNMT ngày 26/5/2023. Trong quá trình triển khai, đề nghị Ban QLDA ĐHCM chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Một số nội dung khác

Trong bước tiếp theo đề nghị chủ đầu tư:

- Khảo sát đầy đủ theo quy định về địa hình, địa chất, thủy văn, tính toán

cụ thể giải pháp thiết kế các hạng mục công trình, đảm bảo thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng, an toàn chịu lực công trình và có kết cấu hợp lý để xây dựng công trình an toàn, đồng bộ, tiết kiệm chi phí xây dựng.

- Một số vị trí phải triển khai thi công trong điều kiện đang khai thác, do vậy phải có biện pháp tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định.

7. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Các công trình, hạng mục công trình được thiết kế phù hợp với danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 525/QĐ-BGTVT ngày 04/5/2023 áp dụng cho dự án. Trong bước tiếp theo, Ban QLDA ĐHCM và các bên liên quan có trách nhiệm tiếp tục rà soát, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, đảm bảo phù hợp với giải pháp thiết kế, công nghệ thi công và nghiệm thu của dự án.

8. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư (TMĐT) xây dựng

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định TMĐT xây dựng; các căn cứ pháp lý để xác định TMĐT xây dựng.

- Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định TMĐT: Hồ sơ TMĐT dự án được lập cơ bản rõ ràng, đầy đủ, hợp lệ theo quy định;

- Các căn cứ pháp lý để xác định TMĐT: Hồ sơ TMĐT được lập trên cơ sở khối lượng, chi phí GPMB và khối lượng các hạng mục công trình trong hồ sơ TKCS; các quy định, hệ thống định mức, đơn giá... được cơ quan có thẩm quyền ban hành cũng như các Quyết định công bố đơn giá vật liệu, nhân công, ca máy, cước vận chuyển... của địa phương tại thời điểm lập là cơ bản đảm bảo về thủ tục và đầy đủ căn cứ pháp lý, đủ cơ sở để xác định TMĐT;

- Kiểm tra kết quả thẩm tra TMĐT xây dựng của Tư vấn thẩm tra: Hồ sơ TMĐT sau khi chỉnh sửa theo ý kiến thẩm tra đã đảm bảo phù hợp quy định hiện hành, đầy đủ về khối lượng chi phí, đảm bảo đủ kinh phí để thực hiện Dự án. Sau khi cập nhật, rà soát bổ sung, Tư vấn thẩm tra kiến nghị xem xét phê duyệt với giá trị là 2.292,776 tỷ đồng.

Như vậy, hồ sơ TMĐT trình thẩm định cơ bản đáp ứng yêu cầu, có đầy đủ căn cứ pháp lý, đủ cơ sở để xác định TMĐT xây dựng và đã được Tư vấn thẩm tra thực hiện công tác thẩm tra và đánh giá đạt yêu cầu.

b) Sự phù hợp của TMĐT xây dựng với sơ bộ TMĐT xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định TMĐT xây dựng.

- Sự phù hợp của TMĐT với sơ bộ TMĐT đã được phê duyệt: Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đã được Bộ GTVT phê duyệt chủ trương đầu tư với sơ bộ TMĐT là 2.293 tỷ đồng. Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo NCKT, số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, khối lượng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, TMĐT của Dự án sau khi thẩm định không vượt sơ bộ TMĐT (2.293 tỷ đồng) đã được Bộ GTVT phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 1032/QĐ-BGTVT là

phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2022.

- Phương pháp xác định TMĐT: Phương pháp xác định TMĐT như hồ sơ trình là phương pháp kết hợp, phù hợp với giai đoạn thực hiện và hướng dẫn hiện hành về lập TMĐT theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

c) Sự phù hợp của nội dung tổng mức đầu tư xây dựng với các nội dung và yêu cầu của dự án

Các khoản mục chi phí trong TMĐT trình gồm: Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chi phí xây dựng; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng. Như vậy nội dung TMĐT của dự án lập cơ bản phù hợp, đầy đủ nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, phù hợp với nội dung và yêu cầu của dự án.

d) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình... để xác định tổng mức đầu tư.

Theo hồ sơ trình các khoản mục chi phí của TMĐT (GPMB, xây dựng, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác, dự phòng) được lập cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, cụ thể:

- Chi phí và khối lượng GPMB:

+ Về khối lượng: Diện tích cần GPMB cho dự án là 19,26 ha. Ban QLDA ĐHCM, Tư vấn chịu trách nhiệm về việc xác định phạm vi và khối lượng GPMB trình thẩm định.

+ Về đơn giá: Đơn giá bồi thường đất dự kiến khi thu hồi đất ở, đất sản xuất kinh doanh và đất nông nghiệp; đơn giá bồi thường nhà; đơn giá bồi thường về tài sản cây trồng vật nuôi; các mức hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và hỗ trợ khác… theo Khung chính sách do Bộ Tài Nguyên và Môi trường thẩm tra, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chi phí xây dựng:

+ Về khối lượng:

Hồ sơ trình tận dụng lại một số hạng mục dầm cầu, cọc, cống … đã thi công, trong bước tiếp theo, đề nghị Ban QLDA ĐHCM chỉ đạo Tư vấn rà soát, đánh giá cụ thể chất lượng các hạng mục nêu trên, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của dự án, tính toán đầy đủ chi phí xây dựng.

Đề nghị Ban QLDA ĐHCM rà soát, cập nhật, tính toán lại khối lượng cho phù hợp, đảm bảo khối lượng đã được phân chia theo địa bàn các huyện để áp dụng đơn giá theo công bố giá của địa phương, Ban QLDA ĐHCM, Tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng đưa vào hồ sơ TMĐT.

+ Giá vật liệu:

TMĐT theo hồ sơ trình đang được lập trên cơ sở sử dụng các công bố giá: Công bố số 1720/CBG-SXD ngày 09/5/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc công bố giá vật liệu xây dựng tháng 4/2023; Công bố số 887/TB-SXD

ngày 19/4/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc công bố giá vật liệu xây dựng tại thị trường tỉnh Tây Ninh tháng 3/2023; Công bố số 1717/CBG-SXD ngày 11/5/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Long An về việc công bố đơn giá vật liệu xây dựng tháng 4/2023 là phù hợp với quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Cục QLĐTXD đề nghị cập nhật giá vật liệu xây dựng và giá nhiên liệu mới nhất đến thời điểm hiện tại.

+ Đơn giá nhân công, giá máy và thiết bị thi công: Thống nhất phương pháp xác định như hồ sơ trình đơn giá nhân công được sử dụng tại các quyết định của địa phương; chi phí nhiên liệu, năng lượng được điều chỉnh theo mức giá thị trường theo từng thời điểm: Quyết định số 69/QĐ-SXD ngày 11/5/2023 về việc công bố đơn giá ca máy xây dựng tỉnh Bình Dương năm 2023; Quyết định số 5720/QĐ-SXD ngày 30/12/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định 169/QĐ-SXD ngày 30/12/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định 168/QĐ-SXD ngày 30/12/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 319/QĐ-SXD ngày 19/7/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Long An về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An năm 2022;

+ Định mức chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công; định mức chi phí chung; định mức chi phí một số công việc không xác định được khối lượng thiết kế; định mức thu nhập chịu thuế tính trước xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng là phù hợp.

- Chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư: Được xác định theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định khác có liên quan như hồ sơ trình là phù hợp.

- Chi phí khác

+ Chi phí bảo hiểm công trình, thẩm định Báo cáo NCKT, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế BVTC thẩm tra, phê duyệt quyết toán, kiểm toán độc lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả đấu thầu,... xác định theo quy định của Bộ Tài chính, của Luật đấu thầu và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Đối với thuế giá trị gia tăng: Ban QLDA ĐHCM, Tư vấn xác định mức thuế 10% trong giá vật liệu, dịch vụ là phù hợp.

- Chi phí dự phòng:

+ Chi phí dự phòng khối lượng: Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh với tỷ lệ < 10% chi phí xây dựng và chi phí khác là phù hợp quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá: Thống nhất phương pháp xác định như hồ sơ trình.

e) Tổng mức đầu tư sau thẩm định

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Hạng mục	Giá trị trình	Giá trị thẩm định	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
1	Chi phí GPMB (đã bao gồm dự phòng)	264,399	264,399	0
2	Chi phí xây dựng	1.682,199	1.667,207	-14,992
3	Chi phí quản lý dự án	16,958	16,840	-0,118
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	63,462	62,986	-0,476
5	Chi phí khác	45,893	45,477	-0,416
6	Chi phí dự phòng (không bao gồm dự phòng chi phí GPMB)	219,865	235,867	16,002
7	**Tổng mức đầu tư**	**2.292,776**	**2.292,776**	**0**

- Phân tích nguyên nhân giảm:

+ Cập nhật giá xăng dầu theo công bố Petrolimex ngày 21/6/2023; cập nhật thông báo giá vật liệu mới nhất tháng 5/2023 trên địa bàn các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An.

+ Tính toán, rà soát lại chi phí thiết kế, tư vấn thẩm tra, tư vấn giám sát.

+ Cập nhật lại chi phí dự phòng.

+ Chuẩn xác lại một số sai số số học.

9. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư, hình thức thực hiện dự án

9.1. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án

Thống nhất công tác triển khai thực hiện dự án như đề nghị của Ban QLDA ĐHCM, cụ thể:

- Đơn vị tổ chức quản lý, thực hiện dự án: Ban QLDA ĐHCM.

- Thời gian thực hiện dự án: Chuẩn bị đầu tư từ năm 2022, khởi công năm 2023, hoàn thành năm 2025.

- Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

- Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách thành tiểu dự án riêng do UBND các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An tổ chức thực hiện theo quy định.

- Công tác lựa chọn nhà thầu và triển khai thi công: Theo quy định hiện hành.

- Quản lý khai thác sử dụng: Cơ quan chuyên ngành của Bộ GTVT quản lý khai thác, bảo trì công trình sau khi dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng theo quy định.

Về cơ bản giải pháp tổ chức thực hiện dự án là phù hợp với quy mô, tính chất kỹ thuật của dự án và năng lực của các cơ quan, đơn vị, các nhà thầu trong nước.

Về nội dung giao Chủ đầu tư giai đoạn thực hiện dự án:

- Theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 Luật Xây dựng: Chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định khi phê duyệt dự án; Người quyết định đầu tư giao Ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực làm chủ đầu tư.

Tại Quyết định số 1032/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2022, Bộ trưởng Bộ GTVT đã giao Ban QLDA ĐHCM làm chủ đầu tư bước lập Báo cáo NCKT Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa, tại văn bản số 807/KHĐT ngày 26/6/2023 Vụ KHĐT có ý kiến việc tiếp tục giao Ban QLDA ĐHCM làm chủ đầu tư dự án bước thực hiện đầu tư sẽ đảm bảo tính kế thừa, liên tục, thống nhất trong quá trình thực hiện. Cục QLĐTXD thống nhất với Vụ KHĐT kiến nghị Bộ GTVT xem xét giao Ban QLDA ĐHCM tiếp tục làm chủ đầu tư giai đoạn thực hiện dự án.

9.2. Kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư

Ban QLDA ĐHCM đã thực hiện quản lý một số dự án có quy mô lớn như: Dự án thành phần đoạn Nha Trang - Cam Lâm, đoạn Cam Lộ - La Sơn thuộc Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, Dự án thành phần đoạn Vạn Ninh – Cam Lộ thuộc Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 và những dự án khác. Như vậy, Ban QLDA ĐHCM có đủ kinh nghiệm, năng lực và bộ máy tổ chức để quản lý dự án theo quy định.

9.3. Hình thức thực hiện dự án: Ban QLDA ĐHCM tổ chức thực hiện dự án theo quy định, đảm bảo tiến độ yêu cầu.

10. Yếu tố đảm bảo tính hiệu quả của dự án bao gồm xác định nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ; phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội

10.1. Xác định nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ

Dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ dự án như sau: Năm 2022: 3,0 tỷ đồng, Năm 2023: 323,7 tỷ đồng, năm 2024: 980,1 tỷ đồng, năm 2025: 871,2 tỷ đồng và năm 2026: 114,776 tỷ đồng.

Tại văn bản số 807/KHĐT ngày 26/6/2023 Vụ KHĐT đã có ý kiến thẩm định về nguồn vốn (sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương trong nước) và khả năng cân đối vốn là phù hợp với kế hoạch vốn trung hạn đã được Bộ GTVT báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai tiếp theo, đề nghị Ban QLDA ĐHCM xây dựng, đăng ký nhu cầu vốn hàng năm và báo cáo Bộ GTVT để cân đối, bố trí đủ vốn cho dự án.

10.2. Phân tích rủi ro, hiệu quả kinh tế - xã hội

a) Phân tích rủi ro

- Về nguồn cung ứng vật liệu, vị trí đổ thải:

Thực tiễn triển khai một số dự án giao thông trong khu vực đã gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về nguồn cung ứng vật liệu xây dựng như đất, cát, đá…

Trong đó, nguyên nhân chủ yếu do việc triển khai đồng loạt nhiều dự án trong cùng khu vực, nhu cầu vật liệu tăng đột biến, dẫn đến tình trạng khan hiếm nguồn cung, ảnh

hưởng đến tiến độ triển khai các dự án. Trong dự án đã có điều tra mỏ vật liệu, các bãi thải và đã có văn bản thống nhất của địa phương.

- Về công tác GPMB: Thực tiễn công tác GPMB, tái định cư, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật khi triển khai các dự án công trình giao thông còn chậm; Công tác GPMB phải thực hiện qua nhiều bước[1] và phải tổ chức thông báo, niêm yết công khai, lấy ý kiến người dân có đất bị thu hồi với thời gian khá dài[2]; việc đầu tư, xây dựng các khu tái định cư cũng phải thực hiện theo trình tự, thủ tục của dự án đầu tư thông thường[3]. Do vậy, thực tế công tác xây dựng các khu tái định cư thường chậm, không đảm bảo tiến độ để bố trí tái định cư cho người có đất bị thu hồi, làm ảnh hưởng đến tiến độ GPMB dự án.

Việc điều chỉnh một số nút giao với đường tỉnh từ liên thông thành trực thông theo kiến nghị của địa phương, đề xuất của Ban QLDA, Tư vấn phù hợp quy hoạch, đảm bảo khoảng cách giữa các nút giao liên thông sẽ làm giảm quy mô, diện tích chiếm dụng khi đã cơ bản GPMB (ĐT.749A) hoặc đang GPMB một phần (ĐT.822, ĐT.823)… nguy cơ gây ra khiếu kiện của người dân; trong các bước tiếp theo Ban QLDA ĐHCM có trách nhiệm phối hợp địa phương làm rõ phương án xử lý cụ thể, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước và người dân, phù hợp với quy định.

b) Hiệu quả kinh tế - xã hội: Trong quá trình thực hiện dự án và đưa vào khai thác sử dụng, dự án sẽ có tác động lan tỏa, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An nói riêng và vùng Đông Nam Bộ, cũng như khu vực nói chung, cụ thể:

- Gia tăng việc làm, thúc đẩy phát triển xây dựng, thu hút đầu tư, đóng góp chung vào phát triển kinh tế của địa phương nói riêng và cả nước nói chung;

- Tiết kiệm chi phí, thời gian vận chuyển hàng hóa và hành khách; giảm chi phí khấu hao cho phương tiện giao thông;

- Tăng khả năng lưu thông, giảm thiểu tai nạn giao thông, khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông khu vực cửa ngõ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn thành kết nối và khai thác đồng bộ toàn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây, tạo điều kiện kết nối hiệu quả các đường trục phía Tây và các tuyến giao thông trong khu vực.

- Góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng; đóng vai trò quan trọng trong

---

[1] Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất; thông báo thu hồi đất; điều tra, khảo sát, kiểm đếm, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất; lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất; chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; bố trí tái định cư; …

[2] Khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai: Trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi biết.

[3] Lập, phê duyệt dự án đầu tư hoặc Báo KT-KT; tổ chức lựa chọn tư vấn, nhà thầu thi công xây dựng.

việc phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An nói riêng cũng như của vùng Đông Nam Bộ và cả nước nói chung;

- Góp phần hoàn thiện mạng lưới đường bộ khu vực; nâng cao tiện nghi phục vụ cho các phương tiện và người tham gia giao thông.

Theo báo cáo của Ban QLDA ĐHCM, số liệu phân tích về hiệu quả kinh tế - xã hội sau khi rà soát, hoàn chỉnh các nội dung đầu tư cụ thể như sau:

Tỷ suất nội hoàn EIRR = 74,63%;

Giá trị hiện tại ròng NPV = 11.755,20 tỷ đồng;

Tỷ suất lợi ích - chi phí (B/C) = 5,63.

Việc đầu tư xây dựng Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa có một ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế của khu vực. Kết quả tính toán hiệu quả kinh tế cho thấy các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế của Dự án đều đạt chi phí vốn cơ hội, đạt hiệu quả kinh tế xét trên nhiều phương diện. Việc đầu tư dự án sẽ mang lại một lợi ích to lớn cho cộng đồng xã hội và mang ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế cho các tỉnh trong khu vực nghiên cứu. Đây là dự án thực sự có lợi cho cộng đồng, cần tiến hành đầu tư sớm.

Qua các số liệu đánh giá, phân tích các chỉ tiêu kinh tế - xã hội nêu trên cho thấy lợi ích mang lại từ việc đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa giai đoạn phân kỳ là đảm bảo hiệu quả đầu tư ngay sau khi hoàn thành.

11. Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý

- Việc hoàn thành Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa góp phần nối thông toàn tuyến từ Pắc Bó (Cao Bằng) đến Đất Mũi (Cà Mau) với quy mô 2 làn xe, hình thành trục dọc thứ hai kết nối các trung tâm kinh tế, chính trị, các khu kinh tế, khu công nghiệp trọng yếu; từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra.

- Quy mô dự án như hồ sơ trình đã được Tư vấn phân tích lựa chọn đảm bảo hợp lý, phù hợp quy mô chung toàn dự án và nguồn vốn được bố trí, tuân thủ Quyết định số 1032/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa.

12. Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư

- Báo cáo NCKT đã phân tích điều kiện tự nhiên (địa hình, địa chất, khí tượng thủy văn) thông qua kết quả khảo sát, thu thập số liệu; phân tích điều kiện kinh tế - kỹ thuật của dự án trên cơ sở nguồn vốn được bố trí, khả năng thu hồi

vốn, hiệu quả đầu tư ... để từ đó đưa ra các giải pháp thiết kế phù hợp.

- Địa điểm đầu tư được lựa chọn phù hợp với tổng hướng tuyến đã được quy hoạch, đã được các địa phương nơi có dự án đi qua thống nhất.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 548/TTg-CN ngày 16/6/2023.

- Phạm vi giải phóng mặt bằng tuân thủ theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 và Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phạm vi đất dành cho đường bộ và hành lang an toàn.

- Phạm vi: Xác định theo quy mô 4 làn xe cao tốc (theo Quyết định số 3950/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2007 của Bộ trưởng Bộ GTVT). Đối với nút giao ĐT.822B với quy mô nút giao liên thông trong giai đoạn hoàn chỉnh trước mắt chỉ cắm mốc quy hoạch, công tác GPMB sẽ được thực hiện cùng với việc đầu tư hoàn chỉnh với quy mô 6 làn xe theo quy hoạch.

- Khối lượng: Diện tích cần GPMB cho dự án là 19,26 ha. Ban QLDA ĐHCM, Tư vấn chịu trách nhiệm về việc xác định phạm vi và khối lượng GPMB trình thẩm định.

- Việc Chủ đầu tư đề nghị cắm mốc quy hoạch quy mô 6 làn xe cho giai đoạn hoàn thiện để bàn giao cho địa phương quản lý là cần thiết. Ban QLDA ĐHCM tổ chức thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Kinh phí: Tổng kinh phí thực hiện là 264,399 tỷ đồng (đã bao gồm dự phòng).

- Tổ chức thực hiện: Theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án có thể quyết định tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiểu dự án riêng và tổ chức thực hiện độc lập; UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư... Để thuận lợi trong công tác GPMB, Cục QLĐTXD kiến nghị tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành Tiểu dự án riêng, do UBND các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh và Long An tổ chức thực hiện theo quy định.

14. Tác động lan tỏa của dự án đến sự phát triển ngành, lĩnh vực, các vùng lãnh thổ và các địa phương; dự kiến tiến độ thực hiện dự án, các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư

14.1. Tác động lan tỏa của dự án đến sự phát triển ngành, lĩnh vực, các vùng lãnh thổ và các địa phương

Hiện nay, việc kết nối vùng Tây Nguyên với vùng đồng bằng sông Cửu Long thông qua các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh... bởi quốc lộ 14 (nay là đường Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, do đoạn Chơn Thành - Đức Hòa chưa

được nối thông dẫn đến các phương tiện phải lưu thông qua Thành phố Hồ Chí Minh để kết nối với vùng đồng bằng sông Cửu Long dẫn đến gây ùn tắc khu vực cửa ngõ Thành phố Hồ Chí Minh.

Dự án được đầu tư xây dựng sẽ giảm tải các phương tiện lưu thông qua Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông đường bộ, bảo đảm an ninh quốc phòng vùng Đông Nam bộ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa phương khu vực tuyến đi qua nói riêng và vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên nói chung, đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng cao trong khu vực Đông Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Đồng thời góp phần hoàn thiện tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây, tăng cường kết nối, nâng cao năng lực khai thác, giảm thiểu tai nạn giao thông, kết nối các địa phương, vùng kinh tế trọng điểm nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

14.2. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án: Lập, trình duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, khởi công trong năm 2023, hoàn thành năm 2025 là phù hợp tiến độ tổng thể theo Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội; phù hợp với quy mô, tính chất kỹ thuật và khả năng cân đối vốn, bố trí vốn của Dự án. Trong các bước tiếp theo, trên cơ sở thực tế triển khai, Ban QLDA ĐHCM và các đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để rút ngắn tiến độ thi công, phấn đấu sớm hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư của dự án.

VI. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa sau khi hoàn chỉnh theo nội dung thẩm định nêu trên đủ điều kiện để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Ban QLDA ĐHCM có trách nhiệm tiếp thu ý kiến thẩm định nêu trên và ý kiến các cơ quan có liên quan, tổ chức hoàn thiện Báo cáo NCKT dự án để triển khai các thủ tục tiếp theo theo quy định.

Trên cơ sở hồ sơ Báo cáo NCKT được duyệt, Ban QLDA ĐHCM khẩn trương chỉ đạo rà soát, cập nhật, điều chỉnh phạm vi GPMB (nếu có) cho phù hợp và thông báo ngay cho Chủ đầu tư tiểu dự án thành phần GPMB về các nội dung điều chỉnh để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ.

Trong bước tiếp theo, đề nghị Ban QLDA ĐHCM phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và các chủ đầu tư dự án khác có liên quan để kiểm tra, rà soát khối lượng, chi phí giải phóng mặt bằng phù hợp với dự án được phê duyệt, tránh việc thanh toán trùng lặp, đảm bảo chặt chẽ về thủ tục, tuân thủ quy định.

Việc điều chỉnh thiết kế một số nút giao từ liên thông thành trực thông cho giai đoạn hoàn chỉnh theo quy hoạch và đảm bảo khoảng cách các nút giao liên thông như kiến nghị của địa phương và đề xuất của Chủ đầu tư, Tư vấn sẽ làm giảm quy mô, diện tích chiếm dụng khi đã cơ bản GPMB hoặc đang GPMB một phần nút giao; trong bước tiếp theo yêu cầu Ban QLDA ĐHCM làm việc cụ thể

với các địa phương để làm rõ số hộ dân bị ảnh hưởng đối với từng nút giao, chi phí đền bù, thống nhất phương án xử lý, đảm hài hòa lợi ích của người dân và phù hợp quy định.

Với một số nút giao bằng giai đoạn phân kỳ có bổ sung giải phóng mặt bằng để phù hợp với thực tế hiện trường và đảm bảo an toàn giao thông, trong bước tiếp theo yêu cầu Ban QLDA ĐHCM, tư vấn thiết kế chi tiết, làm việc cụ thể với địa phương về khối lượng giải phóng mặt bằng đối với từng vị trí giao cắt để xem xét quyết định, đảm bảo phù hợp với thực tế và sự đồng thuận của người dân.

Tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng và khả năng sử dụng các cấu kiện dầm cầu, cọc BTCT, cống … đã thi công để xem xét tận dụng, tiết kiệm chi phí.

Ban QLDA ĐHCM thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ đầu tư trong việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, lựa chọn nhà thầu để triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ GTVT trong quá trình quản lý, thực hiện dự án, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

Nội dung thẩm định nêu trên không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của các chủ thể tham gia trong công tác lập và quản lý chất lượng hồ sơ khảo sát, thiết kế cơ sở của dự án, đảm bảo giải pháp thiết kế phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn khu vực dự án đi qua và tính kinh tế - kỹ thuật, ổn định lâu dài công trình; đáp ứng đầy đủ mục tiêu của dự án, tiến trình xây dựng, phát huy hiệu quả đầu tư. Tổ chức và cá nhân tham gia công tác tư vấn lập, tư vấn thẩm tra Báo cáo NCKT dự án chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm thiết kế đã thực hiện theo quy định tại Điều 70 và khoản 6 Điều 71 (được sửa đổi tại khoản 21 Điều 1) Luật Xây dựng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, các Hợp đồng đã được ký kết và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trên đây là báo cáo của Cục QLĐTXD về kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo NCKT Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa. Cục QLĐTXD dự thảo quyết định phê duyệt Báo cáo NCKT Dự án gửi kèm theo, kính đề nghị Bộ GTVT xem xét, quyết định để triển khai công việc tiếp theo tuân thủ quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Anh Tuấn (để b/c);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Ban QLDA ĐHCM;
- Các đơn vị liên quan (Ban QLDA ĐHCM sao gửi);
- Lưu: VP, DAĐT2.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đinh Mạnh Đức

Phụ lục 1
Danh sách các văn bản pháp lý

TT	Số, ký hiệu của văn bản	Ngày tháng năm của văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan ban hành
I	**Quốc hội**			
1	66/2013/QH13	29/11/2013	Nghị quyết về điều chỉnh một số nội dung và giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 38/2004/QH11	Quốc hội
2	29/2021/QH15	04/8/2021	Nghị quyết về về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Quốc hội
3	63/2022/QH15	16/06/2022	Nghị quyết tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV trong đó có chủ trương nối thông đường Hồ Chí Minh theo quy mô 02 làn xe	Quốc hội
II	**Chính phủ**			
1	1454/QĐ-TTg	01/9/2021	Phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Chính phủ
2	548/TTg-CN	16/06/2023	Phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa	Chính phủ
III	**Bộ Tài nguyên và Môi trường**			
1	1363/QĐ-BTNMT	26/5/2023	Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa	Bộ TNMT
IV	**Ủy ban nhân dân hoặc Sở GTVT các tỉnh**			
a	**Quy hoạch của địa phương**			
1	3247/QĐ-UBND	16/12/2013	Phê duyệt quy hoạch tổng thể giao thông vận tải tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh Bình Dương
2	3093/QĐ-UBND	23/10/2019	điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể giao thông vận tải tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	

TT	Số, ký hiệu của văn bản	Ngày tháng năm của văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan ban hành
3	64/2013/QĐ-UBND	23/12/2013	Phê duyệt quy hoạch tổng thể giao thông vận tải đường bộ tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh Tây Ninh
4	4575/QĐ-UBND; 4704/QĐ-UBND; 3846/QĐ-UBND	26/12/2013; 26/12/2017; 19/10/2020	Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ tỉnh Long An đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh Long An
b	**Thỏa thuận của địa phương**			
1	1238/UBND-KT	23/3/2023	Góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa	UBND tỉnh Bình Dương
2	1707/ SGTVT-KHTĐ	23/05/2023		Sở GTVT tỉnh Bình Dương
3	964/UBND-KT	04/4/2023	Thỏa thuận một số nội dung về thiết kế cơ sở Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa	UBND tỉnh Tây Ninh
4	957/SGTVT-QLCLCT	14/3/2023	Thỏa thuận một số nội dung về thiết kế cơ sở Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa	Sở GTVT tỉnh Long An
5	3055/STNMT-TN	04/5/2023	Thỏa thuận vị trí và trữ lượng mỏ vật liệu, bãi thải và vị trí dự kiến lắp đặt trạm trộn bê tông nhựa phục vụ Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa	Sở TNMT tỉnh Long An
V	**Bộ GTVT**			
1	3950/QĐ-BGTVT	17/12/2007	Phê duyệt đầu tư dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa, thuộc các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh và Long An	Bộ GTVT
2	1317/QĐ-BGTVT	28/4/2016	Phê duyệt điều chỉnh Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa, thuộc	Bộ GTVT

TT	Số, ký hiệu của văn bản	Ngày tháng năm của văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan ban hành
			các tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh và Long An	
3	1032/QĐ-BGTVT	28/7/2022	Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa	Bộ GTVT
4	525/QĐ-BGTVT	04/5/2023	Phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa	Bộ GTVT
5	199/TB-BGTVT	21/6/2023	Thông báo kết luận của Thứ trưởng Bộ GTVT Lê Anh Tuấn tại cuộc họp về công tác quyết toán và nghe báo cáo cuối kỳ Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành – Đức Hòa.	Bộ GTVT

Phụ lục 2
Năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và thẩm tra BCNCKT Dự án

1. Nhà thầu tư vấn thực hiện khảo sát, lập BCNCKT Dự án

- Nhà thầu tư vấn: Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải phía Nam.

+ Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300422323 do Sở Kế hoạch và đầu tư TpHCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2020.

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00001061 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp ngày 17/3/2022, còn hiệu lực đến hết ngày 17/3/2032. Lĩnh vực hoạt động: i) Khảo sát công trình xây dựng: Hạng I; ii) Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ, đường sắt): Hạng I.

- Thông tin năng lực của Chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, lập BCNCKT và tổng mức đầu tư của dự án:

+ Chủ nhiệm Dự án: ông Nguyễn Văn Hòa, có chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình giao thông (đường bộ) Hạng I số BXD-00110289 do Cục Công tác phía Nam – Bộ Xây dựng cấp ngày 10/10/2022 có hiệu lực đến ngày 10/10/2027;

+ Chủ trì thiết kế cầu: ông Hoàng Tùng Lâm, có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu - hầm, đường bộ) Hạng I số BXD-00110288 do Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp ngày 10/10/2022 có hiệu lực đến ngày 10/10/2027;

+ Chủ trì thiết kế đường: ông Huỳnh Hữu Thọ có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ) Hạng I số BXD-00013330 do Cục Công tác phía Nam – Bộ Xây dựng cấp ngày 10/10/2022 có hiệu lực đến ngày 10/10/2027;

+ Chủ nhiệm khảo sát địa hình: ông Nguyễn Anh Tuấn có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng I số BXD-00013333 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng cấp ngày 06/12/2017 có hiệu lực đến ngày 06/12/2022 (tại thời điểm thực hiện công tác khảo sát); và chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình Hạng II số HCD - 00013333 do Trung ương Hội KHKT Cầu Đường Việt Nam cấp ngày 14/03/2023 có hiệu lực đến ngày 14/03/2028;

+ Chủ nhiệm khảo sát địa chất: ông Phạm Đức Dụ có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất Hạng I số BXD-00106426 do Cục quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng cấp ngày 21/10/2020 có hiệu lực đến ngày 21/10/2025;

+ Chủ trì lập tổng mức đầu tư: Bà Vũ Thị Thu Hà có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng Hạng I số BXD-00013331 do Cục công tác phía Nam-Bộ Xây dựng cấp ngày 10/10/2022 có hiệu lực đến ngày 10/10/2027.

2. Nhà thầu tư vấn thẩm tra BCNCKT dự án

Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Đại học GTVT; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-0005605 ban hành kèm theo Quyết định số 38/QĐ-

HĐXD-DN ngày 26/6/2019 và Quyết định số 110/QĐ-HĐXD-DN ngày 23/11/2017 của Bộ Xây dựng có năng lực Thiết kế và thẩm tra thiết kế xây dựng công trình Giao thông (Cầu, đường bộ): Hạng I. Có hiệu lực đến ngày 23/11/2027.

- Thông tin năng lực của chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra dự án:

+ Chủ nhiệm thẩm tra dự án: ông Ngô Châu Phương, Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông cầu, đường bộ hạng I số BXD-00005936 do Cục công tác phía nam cấp, còn hiệu lực đến ngày 20/7/2027;

+ Chủ trì thẩm tra phần cầu: ông Nguyễn Anh Tuấn, Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông hạng I số BXD-00060584 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp, còn hiệu lực đến ngày 28/5/2024;

+ Chủ trì thẩm tra đường: ông Nhâm Hồng Hiệp, Chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông hạng I số BXD-00121568 do do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp, còn hiệu lực đến ngày 29/12/2027;

+ Chủ trì thẩm tra dự toán, tổng mức đầu tư: ông Nguyễn Văn Nhẫn, Chứng chỉ hành nghề Định giá xây dựng hạng I số BXD-00040651 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp, còn hiệu lực đến ngày 15/9/2023;

+ Chủ trì thẩm tra khảo sát địa hình: ông Trần Minh Nhật Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình Hạng I số BXD-00011506 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp, có hiệu lực đến ngày 29/12/2027;

+ Chủ trì thẩm tra khảo sát địa chất: ông Trần Thanh Tú Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất Hạng I số BXD-00011506 do Cục công tác phía nam cấp, có hiệu lực đến ngày 04/5/2027.

Phụ lục 3
Danh sách dự kiến các điểm giao cắt trên tuyến

Tỉnh	Tên nút	Lý trình	Giai đoạn phân kỳ		Dự kiến giai đoạn hoàn thiện		Ghi chú
			Cùng mức	Liên thông	Trực thông	Liên thông	
Bình Dương	ĐT.750	Km14+260	X			X	
	Đ.Mỹ Phước – Tân Vạn	Km19+300	X			X	Bổ sung
	ĐT.749A	Km22+023	X		X		
	ĐT.748	Km30+468	X			X	
	ĐT.744	Km40+000	X			X	
Tây Ninh	ĐT.789	Km41+416	X			X	
	CT.HCM-Mộc Bài	Km53+470			X		Có dự án riêng
	ĐT.782	Km54+650	X		X		
	QL.22	Km57+900		X		X	
	Đường trục KCN Thành Thành Công	Km61+413				X	Dự kiến liên thông. Loại hình nút giao sẽ nghiên cứu chi tiết trong giai đoạn hoàn chỉnh
Long An	ĐT.821	Km64+635	X		X		
	ĐT.822B	Km72+029	X			X	Bổ sung
	ĐT.822	Km73+270	X		X		
	ĐT.823	Km80+675	X		X		
Tổng số			**11**	**02**	**06**	**08**	

Phụ lục 4
Các phương án xây dựng công trình cầu

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp đã phê duyệt (m)	Hiện trạng thi công	Phương án xây dựng	Sơ đồ nhịp kiến nghị (m)	Chiều dài cầu (m)	Bề rộng cầu (m)	Kết cấu nhịp	Kết cấu phần dưới	Ghi chú
I	**Hoàn thiện các cầu thi công dở dang**										
1	Cầu kênh Phước Hòa	Km10+943	3x25,7	Đã thi công lắp dầm, đang đổ dầm ngang và gác tấm đan bản mặt cầu dở dang	Điều chỉnh lại dốc ngang mặt cầu, đổ bê tông dầm ngang, bản mặt cầu và hoàn thiện.	3x25,7	87,3	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	Cập nhật quy định bố trí siêu cao theo TCVN5729-2012.
2	Cầu Cây Trường	Km18+700	1x12	Đã thi công xong cọc đại trà 02 mố (theo 1 nhịp 12m)	Điều chỉnh từ 1 nhịp 12m thành cầu 3 nhịp 12,5m, tận dụng cọc mố để làm trụ; nâng cao độ mặt cầu thêm 1,0m.	3x12,5	45,7	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	Điều chỉnh để đảm bảo yêu cầu thoát nước, phù hợp với quy hoạch và mặt cắt kênh địa phương đang đầu tư xây dựng; Nâng cao độ cầu do cập nhật số liệu tính toán thủy văn.
3	Cầu Bà Tứ	Km19+977	3x20,7	Đã cơ bản hoàn thành, đang lắp đặt tấm đan bản mặt cầu	Tiếp tục thi công hoàn thiện	3x20,7	71,1	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	
4	Cầu Thị Tính	Km28+470	5x25,7	Đã thi công xong 02 mố M1, M2 và 02	Tiếp tục thi công hoàn thiện	5x25,7	138,8	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp đã phê duyệt (m)	Hiện trạng thi công	Phương án xây dựng	Sơ đồ nhịp kiến nghị (m)	Chiều dài cầu (m)	Bề rộng cầu (m)	Kết cấu nhịp	Kết cấu phần dưới	Ghi chú
				trụ T1, T4 (chỉ còn tường tai); thi công cọc đại trà trụ T3 và cọc thử trụ T2 và đúc được một số dầm.							
5	Cầu Suối Tre	Km34+559	3x20,7	Cơ bản đã hoàn thiện, còn một số hạng mục phụ	Tiếp tục thi công hoàn thiện	3x20,7	72,3	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	
6	Cầu Thanh An	Km40+883	39,1 + 4x40 + 39,1 + (60+90+60) + 39,1 + 2x40 + 39,1	Đã thi công xong 2 mố (M1, M2) và 04 trụ (T9, T10, T11, T12) trong đó trụ T9 là trụ giữa nhịp chính và nhịp biên; thi công xong cọc khoan nhồi trụ T6, T7, T8; đã thi công xong cọc đại trà trụ T1, T2 và sàn giảm tải phía mố M1.	Điều chỉnh mở rộng cầu từ B=12,25m thành B=13,75m (mở rộng đều 02 bên); tận dụng toàn bộ các móng cọc đã thi công, điều chỉnh xà mũ trụ và thân mố đã thi công kết hợp nâng cao mố, trụ; Kết cấu phần trên: bổ sung thêm 1 dầm super T cho các nhịp biên; điều chỉnh vách	39,1 + 4x40 + 39,1 + (60+90+60) + 39,1 + 2x40 + 39,1	617,7	13,75	Dầm đúc hẫng cân bằng và dầm super T	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	Cầu có nhịp chính liên tục 3 nhịp đúc hẫng (60+90+60)m, nên việc đầu tư trước quy mô 2 làn xe Bc=12,25m, giai đoạn hoàn thiện mở rộng theo quy mô 6 làn xe sẽ rất khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro, vì vậy kiến nghị đầu tư phân kỳ với quy mô 3 làn xe (giai đoạn hoàn chỉnh châm chước không bố trí làn dừng khẩn cấp)

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp đã phê duyệt (m)	Hiện trạng thi công	Phương án xây dựng	Sơ đồ nhịp kiến nghị (m)	Chiều dài cầu (m)	Bề rộng cầu (m)	Kết cấu nhịp	Kết cấu phần dưới	Ghi chú
					đứng thành vách xiên và mở rộng cánh dầm hộp mỗi bên 0,75m;						Bc=13,75m; Điều chỉnh tăng cao độ bệ gối/ xà mũ để đảm bảo chiều dài đổi dốc theo tiêu chuẩn TCVN5729-2012.
7	Cầu Rạch Suối	Km42+486	1x30	Đã thi công xong bản mặt cầu	Nâng cao độ mặt cầu thêm 0,65m, tiếp tục thi công hoàn thiện	1x30	38,1	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	Nâng cao độ cầu do cập nhật thủy văn tính toán mới
8	Cầu Kênh Đông	Km46+571	3x20,7	Đã thi công xong bản mặt cầu	Tiếp tục thi công hoàn thiện	3x20,7	72,3	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	
9	Cầu Tây Long	Km62+606	9x33	Đã thi công xong mố M1, xã mũ trụ T5, thân trụ T4 và bệ trụ T2	Giữ nguyên cao độ trụ T5 đã thi công; điều chỉnh chiều cao mố, trụ; tiếp tục thi công hoàn thiện	9x33	309,1	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	Điều chỉnh tăng cao độ bệ gối/ xà mũ để đảm bảo chiều dài đổi dốc theo tiêu chuẩn TCVN5729-2012.
10	Cầu Bào Trai	Km80+246	5x33	Đã thi công xong cọc đại trà mố M2 và trụ T4	Rút ngắn mỗi bên 1 nhịp thành sơ đồ 3x33m (điều chỉnh trụ T1 và T4 thành mố M1 & M2)	3x33	114,4	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	Đảm bảo yêu cầu thoát nước, tiết kiệm chi phí xây dựng
11	Cầu Hóc Thơm	Km82+054	3x33	Mố M1: Đã thi công xong bệ thân, tường	Tiếp tục thi công hoàn thiện	3x33	111,8	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp đã phê duyệt (m)	Hiện trạng thi công	Phương án xây dựng	Sơ đồ nhịp kiến nghị (m)	Chiều dài cầu (m)	Bề rộng cầu (m)	Kết cấu nhịp	Kết cấu phần dưới	Ghi chú
				cánh; Mố M2: Đã đóng 8/39 cọc; Trụ T1, T2: Đã xong cọc đại trà Dầm: Đã đúc 10/15 dầm							
II	**Xây dựng mới các cầu chưa thi công**										
1	Cầu Trảng Bàng	Km60+563	39,1 + 9x40 + 39,1	Chưa thi công	Dịch vị trí cầu về hướng đầu tuyến 16m.	39,1 + 9x40 + 39,1	449,2	12,25	Dầm super T	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	Dịch vị trí tim cầu về phía Chơn Thành cho phù hợp với luồng sông hiện trạng;
2	Cầu An Hòa	Km61+413	11x33	Chưa thi công	Dịch vị trí cầu về hướng đầu tuyến 33m.	11x33	375,8	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	Dịch vị trí tim cầu cho phù hợp với quy hoạch của khu công nghiệp Thành Thành Công;
3	Cầu Rạch Nhum	Km76+493	5x33	Chưa thi công	Điều chỉnh sơ đồ nhịp 1x16,9m kết hợp mố chui để đảm bảo tĩnh không đường dân sinh 4,5x3,5m.	1x16,9	38,4	12,25	Dầm I	Mố, trụ BTCT, móng cọc BTCT	Đảm bảo yêu cầu thoát nước, tĩnh không đường chui, tiết kiệm chi phí xây dựng